

CÔNG TY CỔ PHẦN DAP - VINACHEM

Số: 290.../GT-DAP

V/v: giải trình sự biến động lợi nhuận sau thuế TNDN
trên BCTC quý I/2024 so với cùng kỳ năm trước

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty: Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (DDV)

Trụ sở chính: Lô N5.8 Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, Phường Đông Hải II, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 02253 979 368

Fax: 02253 979 170

Website: www.dap-vinachem.com.vn

Email: daphaiphong@gmail.com

Căn cứ báo cáo tài chính quý I/2024, Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (mã chứng khoán DDV) xin được giải trình sự biến động lợi nhuận sau thuế TNDN quý I/2024 so với cùng kỳ năm trước (quý I/2023) như sau:

Loại báo cáo	Lợi nhuận sau thuế		Chênh lệch (1) - (2)	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
	Quý I/2024 (1)	Quý I/2023 (2)		
Báo cáo tài chính	26.365.754.898	144.337.078	26.221.417.820	18166,79%

Nguyên nhân:

STT	Chỉ tiêu	Quý I/2024	Quý I/2023	Chênh lệch	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
(I)	(II)	(III)	(IV)	(V) = (III) - (IV)	(%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	784.280.451.293	749.859.007.969	34.421.443.324	4,59%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	6.732.946.258	12.769.619.877	(6.036.673.619)	-47,27%
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	777.547.505.035	737.089.388.092	40.458.116.943	5,49%
4	Giá vốn hàng bán	709.519.808.728	695.585.614.915	13.934.193.813	2,00%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	68.027.696.307	41.503.773.177	26.523.923.130	63,91%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	7.969.521.807	9.264.557.341	(1.295.035.534)	-13,98%
7	Chi phí tài chính	562.687.028	3.492.905.271	(2.930.218.243)	-83,89%
8	Chi phí bán hàng	22.979.846.923	23.847.795.743	(867.948.820)	-3,64%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.902.095.100	22.754.936.550	(2.852.841.450)	-12,54%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	32.552.589.063	672.692.954	31.879.896.109	4739,15%
11	Thu nhập khác	109.209.259	3.845.454	105.363.805	2739,96%
12	Chi phí khác	46.272.408	-	46.272.408	
13	Lợi nhuận khác	62.936.851	3.845.454	59.091.397	1536,66%
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.615.525.914	676.538.408	31.938.987.506	4720,94%
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.249.771.016	532.201.330	5.717.569.686	1074,32%
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	26.365.754.898	144.337.078	26.221.417.820	18166,79%

Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN quý I/2024 lãi với số tiền 26.365 trđ, tăng so với cùng kỳ năm trước với số tiền 26.221 trđ, tương ứng với tỷ lệ tăng 18.166,79% là do:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kỳ này là 784.280 trđ, tăng với số tiền 34.421 trđ, tương ứng với tỷ lệ tăng 4,6%. Doanh thu tăng do sản lượng tiêu thụ tăng (Quý I/2024, sản lượng DAP tiêu thụ là 57.836 tấn, tăng 7.840 tấn, tương ứng với tỷ lệ tăng 15,7% so với cùng kỳ năm trước). Tuy sản lượng tiêu thụ tăng, nhưng giá bán bình quân kỳ này lại giảm với số tiền là 1,18 trđ/tấn, tương ứng với tỷ lệ giảm 8,1% so với cùng kỳ năm trước (Giá bán bình quân đã trừ chiết khấu quý I/2023 là 14,56 trđ/tấn)

- Các khoản giảm trừ doanh thu kỳ này là 6.733 trđ, giảm so với cùng kỳ năm trước với số tiền 6.036 trđ, do kỳ này chủ yếu là hàng xuất khẩu không phát sinh chiết khấu thương mại.

- Giá vốn hàng bán kỳ này là 709.520 trđ, tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Giá vốn hàng bán tăng do lượng tiêu thụ tăng. Tuy nhiên, so với tỷ trọng tăng của sản lượng thì giá vốn kỳ này lại giảm do chi phí đầu vào một số nguyên liệu chính kỳ này giảm so với cùng kỳ năm trước (Lưu huỳnh giảm 45,2%; Amoniacc giảm 43,8%...). Ngoài ra, việc hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho kỳ này cũng là nguyên nhân giảm giá vốn so với cùng kỳ năm trước

- Doanh thu hoạt động tài chính kỳ này là 7.969 trđ, giảm với số tiền là 1.295 trđ so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu là do giảm lãi suất tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng.

- Chi phí tài chính kỳ này là 562 trđ, giảm so với cùng kỳ năm trước là 2.930 trđ. Chi phí tài chính giảm chủ yếu là giảm tỷ lệ chiết khấu thanh toán và giảm lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

- Chi phí bán hàng kỳ này là 22.980 trđ, giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp kỳ này là 19.902 trđ, giảm 2.853 trđ so với cùng kỳ năm trước do hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu KTTC; TCHC.

